TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2026
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

2/ Bà Trương Thị Bé Sáu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn C, sinh năm 1968

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Khóm B, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ Văn C trình bày:

Vào năm 2007 ông và bà Bùi Thị Kim T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H (nay là phường H). Thời gian đầu sống hạnh phúc, những năm gần đây cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019. Nay ông khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về tình cảm ông yêu cầu được ly hôn với vợ là Bùi Thị Kim T. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Hồ Bùi Ngôn Tịnh T1, sinh ngày 27/8/2008. Ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông thừa nhận có giữ khoản tiền chung của vợ chồng khoảng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nhưng do ông đầu tư kinh doanh trên mạng thu lỗ khoảng hơn 40.000.000

đồng, khi ông đầu tư thì không cho vợ ông hay, ông nói thì vợ ông không tin. Ngoài ra, vợ ông thường xuyên đi chùa, làm từ thiện. Ông cũng khuyên vợ nhiều lần là vợ chồng còn khó khăn nên lo làm ăn, kinh doanh, bớt đi chùa lại, ông cũng đã nói với vợ là nếu vợ cứ bỏ nhà đi hoài như vậy thì sẽ ly hôn nhưng vợ vẫn đi. Về tài sản chung: Vợ chồng chỉ có đồ đạc trong tiệm bán ở chợ H1, vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Bùi Thị Kim T trình bày:* Về hôn nhân bà không đồng ý ly hôn vì bà còn thương chồng, bà cũng không có lỗi. Đồng thời, con gái của bà và ông C đang học lớp 12 chuẩn bị thi nên bà không muốn ảnh hưởng tâm lý của con trong việc học hành, thi cử nên bà tha thiết nói với ông C rút đơn kiện lại để vợ chồng cùng lo cho con ăn học chớ điều kiện kinh tế hiện nay của bà và ông C đều khó khăn nếu tách ra sẽ không thể chăm lo cho con ăn học được. Lý do bà đi chùa là để cầu nguyện cho việc làm ăn khả quan hơn. Nếu ông C cho rằng lý do ông yêu cầu ly hôn là do bà thường xuyên đi chùa thì nay bà sẽ cam kết hạn chế đi chùa lại. Bà nghĩ lý do thực tế ông C muốn ly hôn là do ông C có người phụ nữ khác nên thường xuyên lấy lý do đám tiệc, trị bệnh để về Cần Thơ mỗi tháng, khi ông C đi Cần Thơ thì bà vẫn ở nhà lo cho con ăn học, mua bán. Khi nào có ông C ở nhà thì bà mới đi chùa làm công quả, trước khi đi chùa thì bà vẫn lo cơm nước cho chồng, con đầy đủ, hàng hóa mua bán hết thì bà vẫn liên hệ để nhập hàng, vẫn lo gia đình chu toàn, bà không sai trách nhiệm làm vợ, anh C muốn đổ lỗi cho bà sai để yêu cầu ly hôn. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Hồ Bùi Ngôn Tịnh T1, sinh ngày 27/8/2008. Con chung muốn sống với bà thì bà nuôi, còn sống với anh C thì anh C nuôi. Từ khi chồng bà nộp đơn ly hôn đến nay tâm trạng, tinh thần của Tịnh T1 ảnh hưởng thấy rõ, còn buồn, ít nói hơn, bà rất lo ảnh hưởng việc học của con. Về tài sản chung: Có số tiền mà ông C đang giữ khoảng 36.800.000 đồng (ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng), 02 chiếc xe và một số tài sản trong tiệm mua bán. Bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu chia tài sản. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Hồ Văn C thừa nhận việc hiện nay bà T vẫn nấu cơm hàng ngày cho ông, vẫn có quan hệ vợ chồng nhưng tỷ lệ không nhiều như trước đây, hàng ngày ông vẫn phụ tiếp bà T dọn hàng, mở tiệm mua bán, khi ông bệnh thì bà T có chăm sóc cho ông nhưng ông nghĩ đó là chuyện bình thường không phải là hàn gắn tình cảm.

Bị đơn bà T cho rằng ông C cho rằng vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 là hoàn toàn không đúng, vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, vẫn còn quan hệ vợ chồng, ông C hàng ngày cũng phụ tiếp bà dọn đồ, mở tiệm mua bán, bà cũng nấu cơm cho ông C ăn hàng ngày, khi ông C bệnh bà vẫn chăm sóc, lo lắng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông Hồ Văn C và bà Bùi Thị Kim T chung sống với nhau ngày 08/10/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H (nay là Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Đồng Tháp) theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa ông, bà là hợp pháp.

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng vẫn còn sống chung một nhà, vẫn còn quan hệ vợ chồng. Bà T tha thiết mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con ăn học vì con gái tên Bùi Ngôn Tịnh T1 đang học lớp 12 chuẩn bị thi, việc ông C kiện ly hôn có thể sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, việc học tập, thi cử của con chung. Hội đồng xét xử cũng giải thích, phân tích để ông C và bà T thương lượng. Tuy nhiên ông C cương quyết ly hôn, bà T tha tha thiết được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là để hai bên cùng chung sống, xây dựng gia đình ấm no, hòa thuận, hạnh phúc, lành mạnh và giúp thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.". Ly hôn có thể nói là cách để nhiều cặp vợ chồng "giải thoát" cho nhau khi không thể dung hòa trong cuộc sống hôn nhân. H ly hôn, nhiều người vợ hoặc chồng đã cân bằng và có cuộc sống hạnh phúc hơn nhưng con số ấy không nhiều. Đa phần còn lại là những giọt nước mắt xót xa, không ít hoàn cảnh bất hạnh, những đứa con khi lớn lên chịu nhiều thiệt thòi vì thiếu sự chăm sóc, yêu thương, giáo dục của cả bố và mẹ. Vì thế, sau khi chấm dứt một cuộc hôn nhân thì không chỉ để lại những hậu quả cho người vợ hoặc người chồng mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của những đứa con. Có trường hợp cha, mẹ không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng hoặc thực hiện không kịp thời đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển nhân cách và lối sống của trẻ, dẫn đến phát sinh những hành vi vi phạm pháp luật. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến tình trạng tội phạm tuổi vị thành niên có xu hướng gia tăng.

Hiện tại con chung tên Bùi Ngôn Tịnh T1 đang học lớp 12 nên lý do bà T lo lắng với góc độ một người mẹ là hoàn toàn phù hợp. Xét thấy, ông C và bà T là cha, mẹ của cháu Bùi Ngôn T2 T1 nên phải có trách nhiệm trong việc tạo môi trường sống tốt đẹp, toàn diện cho con trẻ. Thời điểm này, con chung rất cần sự thương yêu, quan tâm, chăm lo việc học tập, giáo dục để có thể phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình,

công dân có ích cho xã hội, có một tương lai tốt đẹp. Tại phiên tòa bà T có mặt và cũng tha thiết mong muốn vợ chồng được hàn gắn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…". Xét thấy, nguyên đơn ông Hồ Văn C khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh mâu thuẫn giữa ông và bà T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông C là không có cơ sở theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Do yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn không được chấp nhận nên Hồi đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 19 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Hồ Văn C.

2. Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Hồ Văn C chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0007407 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, ông C không phải nộp thêm. Bà Bùi Thị Kim T không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày được tính từ tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyền